

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm, bà Võ Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Khối phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, N đơn bà Dương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm và tính cách không hợp nhau, dẫn đến cãi vã. Vì vậy bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, sinh ngày

25/11/2014. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/11/2014, hiện nay con đang ở với mẹ. Khi ly hôn, ông L có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L làm nghề cơ khí, thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị N ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/11/2014 cho bà N nuôi dưỡng. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị N và ông Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào

năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông L vẫn không đến, điều đó chứng tỏ ông L không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn của bà N và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của bà N là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con: Bà N và ông L đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ và hiện nay đang ở với mẹ. Hơn nữa, cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ để cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao cháu K cho bà N nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con, đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, mức cấp dưỡng bà N yêu cầu 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng là đảm bảo nhu cầu thiết yếu để nuôi con và phù hợp với khả năng thu nhập của ông L nên chấp nhận mức cấp dưỡng bà N yêu cầu là đúng quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Dương Thị N .

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị N ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Gia K, sinh ngày 25/11/2014 cho bà Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai số 0010520 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2023); Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Đàn;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

